SERIES 1501 AIR
SHEET NC 48-15
EDITION

SERIES 1501 COMPANION SHEET IS EDITION 3

ELEVATION TINTS
MÀU CAO-ĐỘ

FEET	BỘ
985	
660	
330	
0	

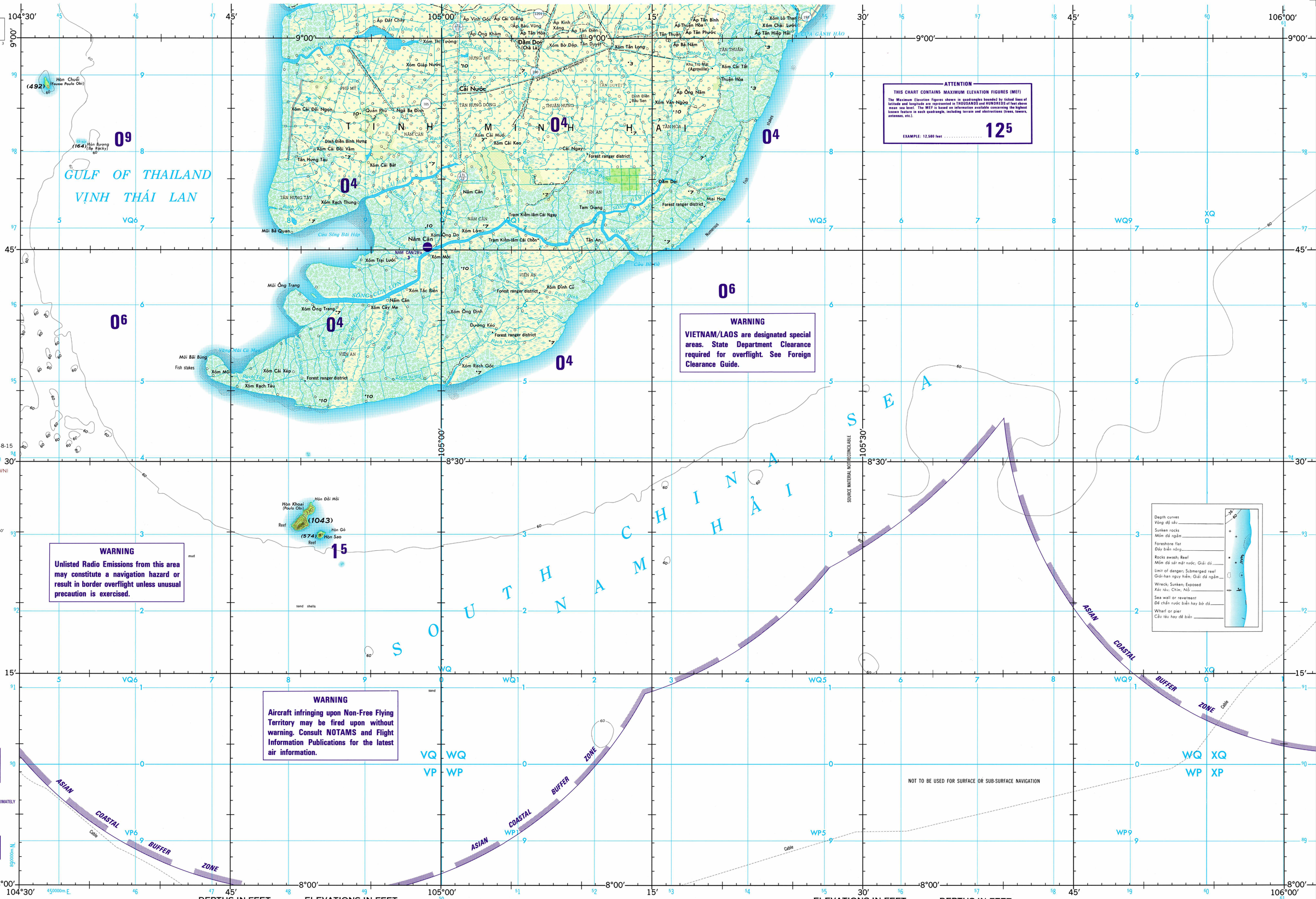

ATTENTION

THIS CHART CONTAINS MAXIMUM ELEVATION FIGURES (MEF)

The Maximum Elevation Figures shown in quadrangles bounded by tinted lines of latitude and longitude are represented in THOUSANDS and HUNDREDS of feet above mean sea level. The MEF is based on information available concerning the highest known feature in each quadrangle, including terrain and obstructions (trees, towers, antennas, etc.).

EXAMPLE: 12,500 feet **12⁵**

WARNING

VIETNAM/LAOS are designated special areas. State Department Clearance required for overflight. See Foreign Clearance Guide.

WARNING

Unlisted Radio Emissions from this area may constitute a navigation hazard or result in border overflight unless unusual precaution is exercised.

WARNING

Aircraft infringing upon Non-Free Flying Territory may be fired upon without warning. Consult NOTAMS and Flight Information Publications for the latest air information.

NOT TO BE USED FOR SURFACE OR SUB-SURFACE NAVIGATION

SOURCE MATERIAL NOT RECONCILABLE

RELIABILITY OF THIS MAP
GIÁ TRỊ TÀI LIỆU CỦA BẢN-ĐỒ NÀY
(as determined by standard practices)

Accuracy, as related to control of map: *Độ chính xác của hệ-thống trắc-địa*	
Horizontal positions	within 794 ft.
Bình-diện	
Contours	within 164 ft.
Các vòng cao-độ	
Latest date of map information: *Tài-liệu cập nhật nhất*	
Coastal hydrography	1968-70
Thủy-văn duyên-hải	
Topography	1966-72
Địa-hình	

Tất cả các chi-tiết khác

Horizontal Datum: Indian Datum 1960
Hệ-thống Trắc-địa Chuẩn: Thuộc Hệ-Thống Trắc-địa Ấn-Độ 1960
Vertical Datum: Mean Sea Level at Hà Tiên
Bình-diện Chuẩn: Mặt Biển Trung-Bình Tại Hà Tiên

LOCATION DIAGRAM FOR NC 48-15
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ TỜ NC 48-15
(ONC INDEX SHOWN IN BLUE)
(BẢNG TIẾP HỢP ONC (MÀU XANH)
(WAC INDEX SHOWN IN RED/BROWN)

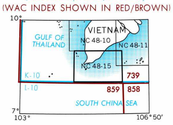

GLOSSARY
CỔ-TỪ

Ấp	village
Cửa	estuary
Đầm	lake
Dinh Điền	land development center
Hòn	island
Kinh	canal
Mũi	cape
Mương	ditch, stream
Poulo	island
R., Rạch	stream
Sông	stream
Trạm Kiểm-lâm	forest ranger district
Vũng	bay, gulf
Xóm	village

GEOREF
TỌA ĐỘ ĐỊA DƯ
BASIC 15° QUADRANGLE
DANH HIỆU VÙNG 15°
UG-VG

CAUTION
AIR INFORMATION CURRENT THROUGH
7 MARCH 1986
Consult NOTAMS and Flight Information Publications for the latest information: the DOD Aeronautical Chart Updating Manual or MOD (U. K.) Aeronautical Chart Amendment document for other chart revision information.

MAGNETIC VARIATION FOR 1985 IS APPROXIMATELY 0° OVER THE ENTIRE AREA
(Annual rate of change, 6′ increase)

CAUTION
Vertical obstructions, including powerlines, have been extracted from the most reliable sources available. However, there is no assurance that all are shown, or that their locations or heights are exact.

TERRAIN ELEVATIONS *CAO-ĐỘ CỦA ĐẤT*
HIGHEST KNOWN elevation is **1043** feet at 8°25′N. 104°50′E.
Điểm CAO NHẤT trong bản-đồ này là **1043** *bộ tại tọa độ 8°25′B. 104°50′Đ.*

DISTRIBUTION LIMITED—DESTROY WHEN NO LONGER NEEDED

SCALE 1:250,000
NÄM CÀN, VIETNAM

SERIES 1501 AIR
SHEET NC 48-15
EDITION

SERIES 1501 COMPANION SHEET IS EDITION 3

Prepared and published by the Defense Mapping Agency Hydrographic/Topographic Center, Washington, D. C., in cooperation with the National Geographic Directorate, Vietnam. Compiled December 1972.

GRID ZONE DESIGNATION
MỆNH DANH BẢN ĐỒ TRONG KHU KẾ Ô
48P

100,000 M. SQUARE IDENTIFICATION
CHỈ-ĐỊNH Ô VUÔNG TỪNG 100.000 M.

VQ	WQ	XQ
VP	WP	XP

TO GIVE A STANDARD REFERENCE ON THIS SHEET TO NEAREST 100 METERS
PHƯƠNG PHÁP TÌM TỌA-ĐỘ TƯƠNG ĐỐI MỘT NGÀN MÉT CHO MỘT BẢN ĐỒ TRONG BẢN-ĐỒ

SAMPLE POINT: THÍ DỤ: TAM GIANG

1. Read letters identifying 100,000 meter square in which the point lies:
2. Locate first VERTICAL grid line to LEFT of point and read LARGE figure labeling the line either in the top or bottom margin, or on the line itself:
Estimate tenths from grid line to point:
3. Locate first HORIZONTAL grid line BELOW point and read LARGE figure labeling the line either in the left or right margin, or on the line itself:
Estimate tenths from grid line to point:

1. Ghi chữ chỉ-định ô vuông từng 100.000 mét của địa-điểm muốn tìm tọa-độ:
2. Lấy đường ô-vuông kế ĐÔNG đầu tiên ở phía TRÁI địa-điểm: Đọc con số LỚN của số hiệu ghi phía trên hay phía dưới bản đồ hay ghi ngay trên đường ô vuông đó:
Ước lượng xem được bao nhiêu phần mười từ đường kể đọc đến địa-điểm:
3. Lấy đường ô-vuông kế NGANG đầu tiên ở phía DƯỚI địa-điểm: Đọc con số LỚN của số hiệu ghi bên trên hay bên phải bản đồ hay ghi ngay trên đường ô vuông đó:
Ước lượng xem được bao nhiêu phần mười từ đường kể mặng đến địa-điểm:

WQ	2	1
	7	2

IGNORE the SMALLER figures of any grid number: these are for finding the full coordinates. Use ONLY the LARGER figure of the grid number.
Những con số nhỏ chỉ dùng để ước những tọa độ toàn bộ. Chỉ dùng con SỐ LỚN của số hiệu ô bề vuông

Example: Thí dụ: 8Q0000 / 48

SAMPLE REFERENCE: THÍ DỤ: WQ2172

If reporting beyond 9° N S or 18° E W, prefix Grid Zone Designation as:
Nếu phải tiên lại với một địa-điểm cách xa quá 9° Bắc, Nam hay 18° Đông Tây, hãy ghi ở đầu trước mệnh danh khu kế ô:

48PWQ2172

JOINT OPERATIONS GRAPHIC (AIR)

Scale 1:250,000
Tỷ-lệ

5 0 5 10 Statute Miles *Dặm*
5 0 5 10 15 Kilometers *Cây số*
5 0 5 Nautical Miles *Hải lý*

CONTOUR INTERVAL APPROXIMATELY 330 FEET WITH SUPPLEMENTARY CONTOURS AT 165 FOOT INTERVALS
KHOẢNG CÁCH ĐỀU VÒNG CAO-ĐỘ PHÒNG CHỨNG 330 BỘ VỚI CÁC VÒNG CAO-ĐỘ PHỤ TỪNG PHÒNG CHỨNG 165 BỘ

TRANSVERSE MERCATOR PROJECTION
HỆ-THỐNG CHIẾU U.T.M.

BLUE NUMBERED LINES INDICATE THE 10,000 METER UNIVERSAL TRANSVERSE MERCATOR GRID ZONE 48, EVEREST SPHEROID
NHỮNG ĐƯỜNG CÓ GHI SỐ XANH THUỘC Ô VUÔNG UTM TỪNG 10,000 MÉT KHU HÌNH THỌI 48, KHỐI BẦU-DỤC EVEREST

USERS SHOULD REFER CORRECTIONS, ADDITIONS, AND COMMENTS FOR IMPROVING THIS PRODUCT TO:
(US Users) Director, Defense Mapping Agency Hydrographic/Topographic Center, ATTN: PR, Washington, D.C. 20315-0030
(UK Users) Directorate of Military Survey, Ministry of Defence, Elmwood Avenue, FELTHAM, Middlesex, England TW13 7AE

DEPTHS IN FEET
VÒNG ĐỘ SÂU TÍNH BẰNG BỘ

ELEVATIONS IN FEET
CAO-ĐỘ BẰNG BỘ

POPULATED PLACES *NƠI ĐÔNG DÂN-CƯ*
ROADS *ĐƯỜNG-SÁ*
All weather, hard surface *Đường tráng nhựa* — 3 LANES / 3 LỐI XE ĐI
Two or more lanes *Có hai hay trên hai lối xe đi*
One lane *Có một lối xe đi*
All weather, loose surface *Đường cán đá hay tráng mỏng*
Two or more lanes *Có hai hay trên hai lối xe đi*
One lane *Có một lối xe đi*
Fair or dry weather, loose surface *Đường đất*
Cart track *Đường dụng thái-khẩn*
Footpath (trail) *Đường mòn*
ROUTE MARKERS *DANH-HIỆU ĐƯỜNG-SÁ*
National; Interprovincial *Quốc-lộ; Liên tỉnh lộ* — CQ 14, LTL 78
Provincial; Communal or other *Tỉnh-lộ; Hương-lộ hay khác* — TL 64, 572
RAILROADS *ĐƯỜNG XE LỬA*
Normal gauge, 1 meter (3′3⅜″); Station — Single track *Một đường*; Double track *Hai đường*
Loại đường thường, rộng 1 mét; Ga, trạm
Narrow gauge *Loại đường hẹp*
BOUNDARIES *RANH GIỚI*
International *Quốc-gia*
Primary administrative *Tỉnh*
Spot elevation: normal, critical *Cao điểm: thường, trọng yếu* ·792 ·1640
Horizontal control point *Điểm trắc-địa*
Province office *Trụ-sở hành-chánh Tỉnh*
Church; School *Nhà thờ; Trường học*
Temple; Pagoda *Đền, miếu; Chùa*

ELEVATIONS IN FEET
CAO-ĐỘ BẰNG BỘ

Area name *Tên vùng hay địa-điểm* ..... TÂN DUYỆT
Navigable canal; *Kinh lưu thông được*
Woods-brushwood; Plantation
Rừng-bụi rậm; Dồn-điền
Mangrove; Swamp
Cây bần; Đầng lầy
Land subject to inundation; Rice
Đất có thể lụt; Lúa

AERODROMES (Military or Civil) — EDNA/50/s 725
Runway pattern known
EDNA-Name
50-Length of longest runway to nearest hundreds of feet
s-Soft or unimproved surface
w-Unknown surface
725-Elevation
Runway pattern unknown
HELIPORT/HELIPAD

RADIO FACILITIES
RADIO RANGE LF/MF — RNG HURN
MULTIPLE RADIO FACILITIES — NDB-RNG PARIS

DEPTHS IN FEET
VÒNG ĐỘ SÂU TÍNH BẰNG BỘ

CONTROLLED AIRSPACE
ADIZ — ATLANTIC ADIZ

VISUAL AIDS AND OBSTRUCTIONS
Obstruction — 1108 (259)
1108-Elevation of obstruction top, above sea level.
(259)-Elevation of obstruction top, above gound level.
Group obstruction
Radio facility obstruction
Power transmission line
Visual ground sign — M
Aero light; Marine light

RADIO AIDS TO NAVIGATION
VHF OMNI RANGE (VOR)
VORTAC
TACAN
VOR with DME
Other facilities

Printed by the Defense Mapping Agency Hydrographic/Topographic Center. 5-86

NOTES *GHI CHÚ*:

Powerlines are shown except within populated place tints. Other obstructions are shown if they are 200 feet or more above ground level. See caution note.

Depth curves
Vòng độ sâu
Sunken rocks
Mỏm đá ngầm
Foreshore flat
Dãy biển nông
Rocks awash; Reef
Mỏm đá sát mặt nước; Giải đá
Limit of danger; Submerged reef
Giới-hạn nguy hiểm; Giải đá ngầm
Wreck; Sunken; Exposed
Xác tàu; Chìm; Nổi
Sea wall or revetment
Đê chắn nước biển hay bờ đá
Wharf or pier
Cầu tàu hay đê biển

Names for symbolized populated places are omitted where information is not available or where density of detail does not permit their inclusion.
Một vài nơi đông dân-cư thiếu địa-danh vì chưa sưu tầm đủ hoặc nhiều chi-tiết không đủ chỗ ghi.
The number in parentheses following a populated place name indicates more than one populated place is so named.
Con số trong dấu ngoặc theo sau tên làng chỉ rằng hơn một làng có mang tên đó.

SERIES 1501AIR
SHEET NC 48-15
EDITION 5
SERIES 1501 COMPANION SHEET IS EDITION 3

DMA STOCK NO. 1501ANC4815